TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 03 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Tô Thị Lợi
Bà Hoàng Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Sầm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/TLST-HS, ngày 10 tháng 4 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T1, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 01/8/1975 tại huyện V, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Văn T (sinh năm 1970) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2018 đến ngày 16/01/2019 được áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh; có mặt.

2. Nguyễn Thị T2, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 04/10/1965 tại huyện V, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T; có chồng là Nguyễn Văn T (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2018 đến ngày 16/01/2019 được áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh; có mặt.

- *Người chứng kiến*: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1986. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 00 phút ngày 19/12/2018, tại khu Vườn Sái, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, Tổ kiểm soát của phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn đã bắt quả tang Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang có hành vi vận chuyển 24 (hai mươi tư) giàn pháo nổ loại 36 lỗ/giàn, tổng trọng lượng là 34 kg. T1 khai: Do có một người đàn ông tên M đặt mua pháo nên T1 đã mua pháo với Nguyễn Thị T2 để bán cho M với số tiền 6.000.000đồng. Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Thị T2.

Vật chứng thu giữ gồm: 24 (hai mươi tư) giàn pháo nổ loại 36 lỗ/giàn do Trung Quốc sản xuất; 02 (hai) bao tải dứa màu vàng; 01 (một) đòn gánh bằng tre; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen đỏ.

Tại cơ quan điều tra các bị can khai nhận: Ngày 17/12/2018 khi Nguyễn Thị T1 đang ở phòng trọ tại khu Vườn Sái, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thì nhận được điện thoại từ số 0394.174.365 của một người đàn ông tên là M (không rõ họ tên, địa chỉ) muốn nhờ T1 mua 24 giàn pháo nổ loại 36 lỗ/giàn với giá 6.000.000đồng. T1 đồng ý và gọi điện cho Nguyễn Thị T2 (là chị dâu) bảo T2 lấy pháo cho T1. T2 báo giá mỗi giàn pháo là 180.000đồng, 24 giàn có giá là 4.320.000đồng nhưng chưa có ngay mà phải chờ T2 đi mua, khi mua được sẽ mang đến cho T1.

Trước đó, T2 có nghe nói có một người tên là T3 hay đứng ở Cầu Mới thị trấn Đồng Đăng có bán pháo. Khoảng 17 giờ ngày 16/12/2018 T2 đi đến khu vực Cầu Mới và trao đổi với T3 về việc mua 12 giàn pháo, T3 nói giá 160.000đồng/giàn, hẹn T2 sáng ngày 17/12/2018 quay lại để nhận. Khoảng 8h00 ngày 17/12/2018, T2 đến chỗ T3 nhận 12 giàn pháo với số tiền là 1.920.000đồng. Khoảng 07 giờ ngày 18/12/2018, T2 mang 12 giàn pháo đó đến phòng trọ của T1. Đến 16 giờ cùng ngày, T2 tiếp tục gặp T3 đặt mua 12 giàn pháo loại 36 lỗ/giàn, T3 hẹn T2 sáng ngày 19/12/2018 quay lại lấy. Khoảng 8h00 ngày 19/12/2018 T2 quay lại để nhận số pháo trên và trả cho T3 1.920.000đồng. T3 bớt cho T2 100.000đồng. Sau đó T2 mang thêm 12 giàn pháo nổ này đến cho T1. Khi nhận đủ 24 giàn pháo nổ, T1 liên lạc với M và hẹn giao nhận pháo tại ngã ba đường tàu thuộc khu Vườn Sái, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 16 giờ 00 ngày 19/12/2018, T1 gánh hai bao tải dứa màu vàng nhạt, bên trong mỗi bao chứa 12 giàn pháo nổ loại 36 lỗ/giàn thì bị bắt quả tang như đã nêu trên.

Tại biên bản xác định chủng loại và trọng lượng pháo lập hồi 19 giờ 25 phút ngày 19/12/2018 xác định: 24 (hai mươi tư) hộp pháo nổ hình vuông, bên ngoài bọc giấy màu đỏ và màu tím, phần đầu bọc giấy màu vàng, đáy hộp bọc giấy màu xám có diện 14 cm x 14,5 cm x 14,5 cm có tổng trọng lượng 34 kg (ba mươi tư kilogam).

Tại bản kết luận giám định số 30/KL-PC09, ngày 21/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 02 (hai) khối hình hộp, đều có kích thước 14 cm x 14,5 cm x 14,5 cm, bên ngoài bọc giấy màu, bên trong có 36

vật hình trụ, vỏ giấy liên kết nhau gửi giám định đều có chứa thuốc pháo, khi đốt đều gây tiếng nổ.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS, ngày 08/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2 về tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm c, khoản 1, Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và không khai báo bổ sung. Các bị cáo thừa nhận mặc dù biết Nhà nước Việt Nam cấm mua bán, tàng trữ, vận chuyển, đốt pháo nổ nhưng do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên mặc dù biết pháo nổ là hàng cấm nhưng các bị cáo vẫn mua 24 giàn pháo nổ loại 36 lỗ/01 giàn có trọng lượng 34 kg để bán với mục đích kiếm lời. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2 phạm tội "Buôn bán hàng cấm". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 190; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo; hình phạt bổ sung: xử phạt mỗi bị cáo từ 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Về tang vật: Xác nhận số pháo bị thu giữ, 02 (hai) bao tải dứa màu vàng; 01 (một) đòn gánh bằng tre đã tịch thu tiêu hủy; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen đỏ thu giữ của Nguyễn Thị T1 thì tịch thu, hóa giá sung công quỹ Nhà nước. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời nói sau cùng các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội; các bị cáo xin hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản xác định trọng lượng pháo ngày 19/12/2018, phù hợp với kết luận giám định số 30/KL-PC09 ngày 21/12/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2 có hành vi mua 34 kg pháo là mặt hàng Nhà nước cấm để bán hưởng lợi. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo về tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm c, khoản 1, Điều 190 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây khó khăn trong công tác đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đủ tuổi trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán pháo nổ là vi phạm pháp luật nhưng

các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với mục đích hưởng lợi. Để quyết định hình phạt đúng đắn, Hội đồng xét xử đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và vai trò của từng bị cáo như sau:

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo; các bị cáo đều ăn năn hối cải về hành vi phạm tội (02 tình tiết); các bị cáo là người có trình độ thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế và đều là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Do vậy, các bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là nhân dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự, chính quyền địa phương xác nhận tại địa phương các bị cáo chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nên xác định các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Thị T1 là người đặt vấn đề mua pháo với bị cáo T2 trước nên là người giữ vai trò chính; bị cáo T2 thực hiện việc mua pháo giúp bị cáo T1 nên giữ vai trò thứ yếu. Do vậy, bị cáo T1 phải chịu mức án cao hơn bị cáo T2.

[7] Xét thấy các bị cáo Nguyễn Thị T1 và bị cáo Nguyễn Thị T2 có hành vi mua bán 34 kg pháo để mang về bán kiếm lời, để đảm bảo an ninh trật tự quản lý kinh tế xét thấy cần xử các bị cáo mức án thật nghiêm. Tuy nhiên, các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các bị cáo đều có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết bắt các bị cáo đi cải tạo mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4, Điều 190 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung hình phạt tiền từ 20.000.000, đồng đến 100.000.000,đồng. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, xét thấy cần xử phạt bổ sung hình phạt tiền đối với cả hai bị cáo với mức khởi điểm đối với mỗi bị cáo là 20.000.000đồng.

[9] Về vật chứng: 24 (hai mươi tư) giàn pháo nổ loại 36 lỗ/giàn do Trung Quốc sản xuất; 02 (hai) bao tải dứa màu vàng; 01 (một) đòn gánh bằng tre cơ quan Công an huyện Cao Lộc đã tịch thu tiêu hủy theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen đỏ thu giữ của Nguyễn Thị T1 là phương tiện phạm tội nên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

[10] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo có quyền kháng cáo theo Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Đối với người đàn ông tên T3 bán pháo cho T2; người đàn ông tên M mua pháo của T1, do Cơ quan điều tra không làm rõ được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự.

[12] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo cũng không khiếu nại về quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, khoản 1, khoản 4, Điều 190; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 58; Điều 65; điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2 phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/5/2019). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/5/2019). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Xử phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, mỗi bị cáo 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen đỏ đã cũ, số IMEI 1: 354569082851623; IMEI2: 354569082851631thu giữ của Nguyễn Thị T1.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/4/2019 giữa Công an huyện Cao Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang;
- Các bị cáo (tống đạt);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh